

THỰC TRẠNG KẾT QUẢ HỌC TẬP GIÁO DỤC THỂ CHẤT (NỘI DUNG TỰ CHỌN) CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

Hoàng Đình Hâm⁽¹⁾

Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy đánh giá thực trạng kết quả học tập môn học GDTC (nội dung tự chọn) của sinh viên Trường Đại học Thăng Long trên cơ sở kết quả các môn học GDTC tự chọn và thực trạng trình độ thể lực của sinh viên. Kết quả nghiên cứu là căn cứ quan trọng để tác động các giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả hoạt động GDTC tự chọn cho sinh viên Trường Đại học Thăng Long.

Từ khóa: Kết quả học tập, trình độ thể lực, nội dung tự chọn môn Giáo dục thể chất, Trường Đại học Thăng Long...

Current reality of students' PE learning results (self-selected content) at Thang Long University

Summary:

We've employed regular scientific research methods in order to evaluate the current status of students' PE learning results (self-selected content) at Thang Long University on the basis of results of self-selected PE subjects and current fitness of students. The research results are an important basis for applying appropriate solutions to improve the effectiveness of self-selected PE activities for students at Thang Long University.

Keywords: Current status, learning results, physical fitness, Physical Education, self-selected content, students, Thang Long University...

ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục thể chất (GDTC) là một trong các môn học được chú trọng phát triển tại Trường Đại học Thăng Long. Công tác GDTC tại Trường Đại học Thăng Long được tiến hành giảng dạy theo hình thức tín chỉ. Trong 4 tín chỉ GDTC, học sinh phải học 1 tín chỉ bắt buộc (theo quy định của Nhà trường) vào năm học thứ nhất. Nội dung môn học bắt buộc thường là môn Bơi. Ngoài ra, học sinh phải tự đăng ký và hoàn thành 3 tín chỉ tự chọn thuộc các môn: Bóng đá, Bóng chuyền cơ bản, Bóng bàn cơ bản, Bóng rổ, Thể dục cơ bản, Thể dục cổ truyền cơ bản, Fitness - Gym và Nhảy hiện đại. Sinh viên có thể đăng ký học vào bất cứ thời điểm nào trong 4 năm học. Lớp học sẽ được tổ chức khi có tối thiểu 20 sinh viên đăng ký học. Lớp học GDTC tự chọn chỉ có tối đa 35 sinh viên/lớp. Có thể thấy, công tác tổ chức hoạt động GDTC tại Trường được tiến hành rất khoa

học, bài bản nhưng hiệu quả đạt được lại chưa được quan tâm đánh giá một cách chính xác.

Để có căn cứ tác động các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác GDTC nội dung tự chọn tại Trường, tiến hành đánh giá thực trạng kết quả học tập GDTC (nội dung tự chọn) cho sinh viên là vấn đề cần thiết và cấp thiết, là căn cứ khoa học quan trọng để tác động các giải pháp.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp kiểm tra sơ phạm và phương pháp toán học thống kê.

Khảo sát kết quả học tập được tiến hành trên 3851 sinh viên Trường Đại học Thăng Long năm học 2017-2018.

Khảo sát trình độ thể lực của sinh viên được tiến hành trên 1200 sinh viên từ năm thứ nhất tới năm thứ 4 tại Trường. Thời điểm khảo sát: năm học 2018-2019.

⁽¹⁾TS, Trường Đại học Thăng Long; Email: hdhtdt@gmail.com

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng kết quả học tập môn học GDTC tự chọn tại Trường Đại học Thăng Long
 Thống kê kết quả học tập môn học GDTC tự

chọn của 3851 sinh viên học GDTC tự chọn năm học 2017-2018 của Trường Đại học Thăng Long theo số liệu lưu của Bộ môn Giáo dục thể chất. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng kết quả học tập môn học GDTC tự chọn của sinh viên Trường Đại học Thăng Long năm học 2017-2018 (n=3851)

T T	Học phần	Mã học phần	Tín chỉ	Số lượng mẫu	Tỷ lệ %	Kết quả học tập									
						Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
						m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%	m_i	%
1	Bóng đá	AD312	4	65	1.69	7	10.77	13	20.00	25	38.46	17	26.15	3	4.62
2	Bóng chuyền cơ bản	PG115	1	663	17.22	72	10.86	139	20.97	212	31.98	207	31.22	33	4.98
3	Bóng bàn cơ bản	PG106	1	646	16.77	68	10.53	121	18.73	223	34.52	198	30.65	36	5.57
4	Bóng rổ	PG113	1	646	16.77	59	9.13	127	19.66	219	33.90	220	34.06	21	3.25
5	Thể dục cơ bản	PG118	1	1011	26.25	121	11.97	245	24.23	338	33.43	261	25.82	46	4.55
6	Thể dục cổ truyền cơ bản	PG102	1	725	18.83	54	7.45	109	15.03	286	39.45	214	29.52	62	8.55
7	Pitness - Gym	PG145	1	48	1.25	4	8.33	7	14.58	19	39.58	16	33.33	2	4.17
8	Nhảy hiện đại	AD314	4	47	1.22	6	12.77	15	31.91	16	34.04	7	14.89	3	6.38
9	Tổng:			3851	100	391	10.15	776	20.15	1338	34.74	1140	29.60	206	5.35

Qua bảng 1 cho thấy:

Kết quả học tập môn học GDTC tự chọn của sinh viên Trường Đại học Thăng Long có tỷ lệ chưa đạt (loại yếu và loại kém) chiếm tới hơn 30%; giữa các nội dung tự chọn khác nhau, tỷ lệ sinh viên đạt kết quả loại yếu, kém chênh lệch nhau không nhiều, chênh nhau tối đa 8% (tính theo tỷ lệ từng môn); Tỷ lệ sinh viên không qua lần một các môn học GDTC tự chọn dao động từ 30.37 tới 38.07%. Tỷ lệ sinh viên không qua lần một cao nhất ở môn Thể dục cổ truyền cơ bản và Bóng rổ, thấp nhất ở môn Nhảy hiện đại và Bóng đá.

Tỷ lệ sinh viên có kết quả học tập môn học GDTC tự chọn loại tốt và khá chiếm khoảng 30% số lượng sinh viên. Tỷ lệ sinh viên đạt khá, giỏi cao nhất ở môn Nhảy hiện đại và thấp nhất ở môn Pitness - Gym và Thể dục cổ truyền cơ

bản. Nhóm các môn bóng có tỷ lệ sinh viên đạt kết quả khá, giỏi gần tương đương nhau.

Tỷ lệ sinh viên có kết quả học tập môn học GDTC tự chọn loại trung bình chiếm tỷ lệ cao nhất trong các loại và chiếm xấp xỉ 35% tổng số sinh viên. Tỷ lệ sinh viên xếp loại trung bình thấp nhất ở môn Bóng chuyền cơ bản và cao nhất ở môn Pitness - Gym. Tỷ lệ đạt loại trung bình của các môn đạt từ 31.98 tới 39.58%.

Như vậy, có thể nhận xét chung: Kết quả học tập môn học GDTC tự chọn của sinh viên Trường Đại học Thăng Long còn ở mức độ chưa cao. Tỷ lệ sinh viên đạt loại khá và giỏi thấp, tỷ lệ sinh chưa đạt môn còn cao. Trước tình hình trên, cần thiết phải có các giải pháp phù hợp để nâng cao kết quả học tập môn học GDTC tự chọn cho sinh viên.

2. Thực trạng trình độ thể lực của sinh viên Trường Đại học Thăng Long

Tiến hành đánh giá trình độ thể lực sinh viên Trường Đại học Thăng Long thông qua 6 test quy định theo Quyết định số 53/2008/QĐ-Bộ GD&ĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 về việc ban

hành quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên. Kiểm tra được tiến hành trên 1200 sinh viên từ năm thứ nhất tới năm thứ tư. Sinh viên thuộc mỗi năm học khảo sát 300 người, trong đó có 150 nam và 150 nữ. Kết quả khảo sát chi tiết được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng trình độ thể lực của sinh viên Trường Đại học Thăng Long theo từng năm học (n=1200)

TT	Test	Nam (n=600)		Cv	Nữ (n=600)		Cv
		\bar{x}	δ		\bar{x}	δ	
Sinh viên năm thứ nhất (n_{Nam} = 150, n_{nữ} =150)							
1	Lực bóp tay thuận (kG)	41.46	3.64	8.78	27.37	2.49	9.10
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	18.45	1.69	9.16	16.45	1.78	10.82
3	Bật xa tại chỗ (cm)	208.00	15.7	7.55	154.78	11.58	7.48
4	Chạy 30m XPC (s)	5.62	0.33	5.87	6.61	0.35	5.30
5	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.41	0.69	5.56	12.68	0.62	4.89
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	971.87	48.81	5.02	869.69	64.78	7.45
Sinh viên năm thứ hai (n_{Nam} = 150, n_{nữ} =150)							
1	Lực bóp tay thuận (kG)	42.10	3.60	8.55	27.51	2.52	9.16
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	19.21	1.23	6.40	17.12	1.09	6.37
3	Bật xa tại chỗ (cm)	211.32	15.01	7.10	155.08	11.58	7.47
4	Chạy 30m XPC (s)	5.48	0.32	5.84	6.57	0.36	5.48
5	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.26	0.73	5.95	12.43	0.71	5.71
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	997.05	68.34	6.85	874.99	62.94	7.19
Sinh viên năm thứ ba (n_{Nam} = 150, n_{nữ} =150)							
1	Lực bóp tay thuận (kG)	43.21	3.61	8.35	27.98	2.58	9.22
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	20.22	1.27	6.28	17.89	1.05	5.87
3	Bật xa tại chỗ (cm)	215.09	15.68	7.29	156.78	11.58	7.39
4	Chạy 30m XPC (s)	5.24	0.29	5.53	6.24	0.36	5.77
5	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.11	0.69	5.70	12.28	0.71	5.78
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	1008.29	69.04	6.85	894.6	62.25	6.96
Sinh viên năm thứ tư (n_{Nam} = 150, n_{nữ} =150)							
1	Lực bóp tay thuận (kG)	44.58	1.27	2.85	28.28	3.28	11.6
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	21.22	1.24	5.84	18.52	1.16	6.26
3	Bật xa tại chỗ (cm)	218.84	9.99	4.56	157.71	9.36	5.93
4	Chạy 30m XPC (s)	5.12	0.18	3.52	6.11	0.38	6.22
5	Chạy con thoi 4x10m (s)	12.06	0.65	5.39	11.95	0.67	5.61
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	1014.21	35.46	3.50	916.5	59.42	6.48

BÀI BÁO KHOA HỌC

Qua bảng 2 cho thấy:

Trình độ thể lực của sinh viên Trường Đại học Thăng Long từ năm thứ nhất tới năm thứ tư và ở cả đối tượng nam và nữ, đều cao hơn mức trung bình theo tiêu chuẩn xếp loại thể lực của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cao hơn kết quả điều tra thể chất nhân dân năm 2001 của tác giả Dương Nghiệp Chí và cộng sự; Gần như tương đương với kết quả nghiên cứu của một số tác giả về học sinh các vùng miền tại Việt Nam như tác giả Lê Trường Sơn Chấn Hải (2012), Trần Đức Dũng và cộng sự (2014)...

Khi so sánh sự khác biệt trình độ thể lực của sinh viên các năm học cho thấy: Ở các năm học liền kề nhau như năm thứ nhất và năm thứ hai; năm thứ hai và năm thứ ba; năm thứ ba và năm thứ tư, kết quả kiểm tra thể lực của sinh viên mặc dù có chênh lệch nhưng sự chênh lệch chưa có ý nghĩa thống kê ($P > 0.05$), có nghĩa là thể lực của sinh viên giữa các năm học liền kề không

có sự khác biệt đáng kể. Điều này cho thấy, việc giải quyết mục tiêu phát triển thể lực của sinh viên trong chương trình GDTC chưa đạt hiệu quả cao.

Kết quả kiểm tra đánh giá thể lực trên đối tượng nghiên cứu đều thu được $C_v < 10\%$. Như vậy, có thể nhận thấy mẫu nghiên cứu có sự phân bố chuẩn và khá đồng đều, ít phân tán.

Để có cái nhìn tổng quát hơn về trình độ thể lực của sinh viên Trường Đại học Thăng Long theo các năm học, chúng tôi tiến hành phân loại trình độ thể lực của sinh viên theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quá trình phân loại sử dụng 04 tiêu chí: Nằm ngửa gập bụng (lần/30s), Bật xa tại chỗ (cm), Chạy con thoi 4x10m (s) và chạy tùy sức 5 phút (m), đồng thời so sánh sự khác biệt tỷ lệ sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực của sinh viên từ năm thứ nhất tới năm thứ 4. Kết quả phân loại được trình bày tại bảng 3.

Bảng 3. So sánh kết quả phân loại thể lực của sinh viên Trường Đại học Thăng Long theo từng năm học (n=1200)

Phân loại	Tổng số		Nam		Nữ	
	m_i	%	m_i	%	m_i	%
Năm thứ nhất ($n_{\text{nam}}=150, n_{\text{nữ}}=150, n_{\text{tổng số}}=300$)						
Tốt	114	38.00	59	39.33	55	36.67
Đạt	151	50.33	76	50.67	75	50.00
Không đạt	36	12.00	15	10.00	21	14.00
Năm thứ hai ($n_{\text{nam}}=150, n_{\text{nữ}}=150, n_{\text{tổng số}}=300$)						
Tốt	110	36.67	58	38.67	52	34.67
Đạt	153	51.00	78	52.00	75	50.00
Không đạt	37	12.33	14	9.33	23	15.33
Năm thứ ba ($n_{\text{nam}}=150, n_{\text{nữ}}=150, n_{\text{tổng số}}=300$)						
Tốt	109	36.33	67	44.67	42	28.00
Đạt	154	51.33	77	51.33	77	51.33
Không đạt	37	12.33	16	10.67	21	14.00
Năm thứ tư ($n_{\text{nam}}=150, n_{\text{nữ}}=150, n_{\text{tổng số}}=300$)						
Tốt	104	34.67	52	34.67	52	34.67
Đạt	155	51.67	79	52.67	76	50.67
Không đạt	41	13.67	19	12.67	22	14.67



Phát triển thể lực là một trong 3 nhiệm vụ quan trọng của GDTC cho học sinh, sinh viên trong trường học các cấp

Qua bảng 3 cho thấy: Khi phân loại trình độ thể lực của sinh viên Trường Đại học Thăng Long theo quy định của Bộ GD&ĐT cho thấy đa số sinh viên được kiểm tra có trình độ thể lực thuộc mức đạt (trên 50% tổng số sinh viên). Tỷ lệ sinh viên có kết quả kiểm tra trình độ thể lực loại tốt chiếm từ 34.67 tới 38.00%. Tuy nhiên, vẫn còn tới 12.00-13.67% tổng số sinh viên được khảo sát chưa đạt tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực theo quy định. Tỷ lệ này cao nhất ở sinh viên năm thứ tư và thấp nhất ở sinh viên năm thứ nhất. Tuy nhiên, mức độ chênh lệch giữa các năm học không nhiều (chưa tới 2% tổng số sinh viên). Chính vì vậy, nâng cao trình độ thể lực cho sinh viên là vấn đề cần thiết.

Khi so sánh tỷ lệ sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực theo từng giới tính cho thấy tỷ lệ sinh viên đạt tiêu chuẩn thể lực theo từng mức ở đối tượng nam và nữ chênh lệch không đáng kể. Xu hướng chung là tỷ lệ sinh viên đạt tốt và đạt ở nam cao hơn nữ (mức chênh lệch <3%), tỷ lệ sinh viên không đạt tiêu chuẩn thể lực ở nữ có xu hướng cao hơn nam (mức chênh lệch đạt từ 3-6% tùy theo từng năm học và cao nhất là ở năm thứ hai, sinh viên năm thứ nhất, năm thứ ba và năm thứ tư có tỷ lệ chênh lệch thấp hơn).

KẾT LUẬN

- Kết quả học tập môn học GDTC tự chọn của sinh viên Trường Đại học Thăng Long còn

ở mức độ chưa cao. Tỷ lệ sinh viên đạt loại khá và giỏi thấp, tỷ lệ sinh viên chưa đạt môn còn cao. Trước tình hình trên, cần thiết phải có các giải pháp phù hợp để nâng cao kết quả học tập môn học GDTC tự chọn cho sinh viên.

- Đa số sinh viên được kiểm tra có trình độ thể lực thuộc mức đạt (trên 50% tổng số sinh viên). Tỷ lệ sinh viên có kết quả kiểm tra trình độ thể lực loại tốt chiếm từ 34.67 tới 38.00%. Tuy nhiên, vẫn

còn tới 12.00-13.67% tổng số sinh viên được khảo sát chưa đạt tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực theo quy định. Tỷ lệ này cao nhất ở sinh viên năm thứ tư và thấp nhất ở sinh viên năm thứ nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về TDTT đến năm 2020”*.
2. Phạm Đình BẨM (2003), *Quản lý chuyên ngành TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Thông tư số 25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 quy định về chương trình môn học GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học*.
4. Nôvicốp A. D, Mátvêép L. P (1976), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, (Phạm Trọng Thanh và Lê Văn Lãm dịch), Nxb TDTT, Hà Nội.
5. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Nghị định số 11/2015/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường*.

(Bài nộp ngày 2/3/2023, Phản biện ngày 5/9/2023, duyệt in ngày 30/11/2023)